TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:
118/2023/DSST
Ngày: 26/9/2023
"V/v : Thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Phạm Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "Thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lệ L, sinh năm 1991;
Địa chỉ: 656/8, Đường Q, tổ 1, Phường T, Thị xã A, tỉnh GL
- Bị đơn: Anh Vũ Phú Đ, sinh năm 1993 và chị Lê Thị T, sinh năm 1992;
Địa chỉ: 282 đường S, tổ 10, Phường Y, tỉnh GL
Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ L trình bày:

Trước đây, tôi và vợ chồng anh Vũ Phú Đ, chị Lê Thị T (sau đây gọi là "vợ chồng chị T") có mối quan hệ quen biết lâu năm nên tôi có cho vợ chồng chị T vay tiền nhiều lần, mục đích vay tiền là để vợ chồng chị T để kinh doanh bất động sản, tổng cộng là 1.430.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng). Vì tin tưởng vợ chồng chị T nên khi cho vay tôi không yêu cầu vợ chồng chị T viết giấy mượn tiền, tôi giao tiền cho vợ chồng chị T bằng phương thức

chuyển khoản vào tài khoản của chị T, anh Đ và giao tiền mặt trong nhiều lần ở từng khoảng thời gian khác nhau, vợ chồng chị T hứa sẽ trả toàn bộ số tiền 1.430.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng) cho tôi vào ngày 14/4/2022. Tuy nhiên đến hết ngày 14/4/2022, vợ chồng chị T đã không trả tiền cho tôi như đã cam kết. Tôi đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại, đến địa chỉ cư trú của vợ chồng chị T để yêu cầu vợ chồng chị T thanh toán khoản tiền vay nhưng vợ chồng chị T trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mặc dù có khả năng chi trả tiền cho tôi.

Đến ngày 07/07/2022, chị T có gửi cho tôi một văn bản viết tay qua đường bưu chính có nội dung nợ tôi số tiền 1.430.000.000 (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng Việt Nam) và hứa sẽ trả cho tôi số tiền này trong vòng một năm, vận đơn có thông tin người gửi là chị T, trên bì thư có in dấu của Bưu cục Dinh Mười, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (Văn bản này tôi đã giao nộp bản gốc cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai sau khi tôi gửi đơn tố giác tội phạm vào năm 2022). Vì không đồng ý thoả thuận về thời hạn trả tiền, tôi đã liên lạc lại vào số điện thoại của chị T để yêu cầu chị T trả ngay số tiền này thì chị T cắt đứt liên lạc với tôi. Sau đó, tôi đã làm đơn tố giác tội phạm để tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng chị T đồng thời giao nộp toàn bộ các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ việc cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ việc này ở Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai, thì đến ngày 29/10/2022, vợ chồng chị T đã viết Giấy cam kết đề ngày 29/10/2022 để cam kết rằng nếu tôi rút đơn tố giác tội phạm ở Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai thì sẽ trả cho tôi một phần số tiền đã vay là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) trong vòng 03 tháng kể từ ngày tôi rút đơn, đồng thời vợ chồng chị T cam kết sẽ không chuyển nhượng các tài sản đứng tên vợ chồng chị T để tẩu tán tài sản (Giấy cam kết đề ngày 29/10/2022 mà tôi đã nộp đến Tòa án).

Ngày 02/11/2022, tôi đã gửi đơn đề nghị rút toàn bộ nội dung tố giác đối với vợ chồng chị T và gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai với mong muốn có thể nhanh chóng lấy lại được một phần số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) đã cho vợ chồng chị T như Giấy cam kết đề ngày 29/10/2022. Đến nay đã quá thời hạn ba tháng kể từ ngày tôi thực hiện việc rút đơn tố giác tội phạm là ngày 02/11/2022, nhưng vợ chồng chị T vẫn không trả tiền cho tôi như đã cam kết. Tuy nhiên, khi tôi nộp đơn khởi kiện kiện vợ chồng chị T tại Tòa án, thì anh Đ chồng chị T cho rằng không liên quan đến số tiền 400.000.000đồng là không đúng, vì khi tôi cho vợ chồng chị T vay tiền, tôi chuyển tiền vào số tài khoản của anh Đ và số tài khoản chị T, còn lúc tôi đưa tiền mặt thì chị T và anh Đ cùng là người nhận và khi tôi đến đòi tiền thì cả anh Đ và chị T cùng xin khất nợ, khi tố giác tội phạm về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tôi cũng tố giác cả chị T với anh Đ, như vậy anh Đ nói không biết và không liên quan là không đúng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng chị T, anh Đ phải trả lại cho tôi số tiền gốc 400.000.000đồng đã cam kết vào ngày 29/10/2022 và tiền lãi

suất kể từ ngày 03/02/2023 vi phạm thời hạn trả nợ gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cho đến khi trả xong nợ gốc, với mức lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật; số tiền lãi tôi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023 là 07(bảy) tháng 23 (hai mươi ba) ngày x 400.000.000đồng tiền gốc x 0,83%/tháng = 25.795.333đồng, tôi tính tròn là 25.795.000đ *(Hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng)*. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 425.795.000đ *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng)*.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Vũ Phú Đ và chị Lê Thị T trình bày:

1. Tôi là Lê Thị T thừa nhận có vay và còn nợ của chị Nguyễn Thị Lệ L số tiền gốc 400.000.000đồng. Tuy nhiên do làm ăn đổ bể nên chưa trả được nợ, số tiền này là số tiền nợ riêng của tôi vay của chị L để buôn bán làm ăn và kinh doanh bất động sản không liên quan đến anh Đ chồng tôi, còn vì sao tại Cơ quan công anh Đ viết cam kết trả nợ cho chị L là vì anh Đ muốn bán căn nhà thuộc tài sản riêng của anh Đ để trả nợ thay cho tôi, tuy nhiên đến nay vẫn chưa bán được do vậy anh Đ không thể có tiền để trả nợ cho chị L được. Nay chị L khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc 400.000.000đồng và nợ lãi suất chậm trả do vi phạm thời hạn trả nợ gốc thì tôi đồng ý. Tuy nhiên do hoàn cảnh hiện nay của tôi còn nhiều khó khăn nên tôi xin chị L được trả dần mỗi tháng, làm được bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

2. Tôi là Vũ Phú Đ chồng của chị Lê Thị T, giữa tôi và chị T thì về tài chính cả hai không liên quan đến nhau, việc chị T vay mượn tiền của chị L thì tôi hoàn toàn không biết và không liên quan đến số tiền do chị L khởi kiện, tôi không nhận nợ vì tôi không vay nợ của chị L nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L, chị L cho chị T vợ tôi mượn tiền là việc vay mượn riêng giữa hai người, tôi không đồng ý cùng chị T để trả nợ cho chị L. Còn lý do vì sao tôi viết cam kết trả nợ cho chị L tại Cơ quan Công an là vì lúc đó tôi hứa sẽ bán nhà để trả nợ cho chị L, tuy nhiên cho đến hiện nay tôi vẫn chưa bán được nhà nên không có tiền để trả cho chị L, tuy nhiên trong thời gian chờ bán nhà thì chị L đã đưa hình ảnh của vợ chồng tôi lên mạng xã hội để nói xấu, gây khó khăn trong việc tôi bán nhà. Vì vậy tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L, tôi không phải là bị đơn như chị L đã khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai:

- Về thủ tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thực hiện đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy cam kết trả nợ do anh Vũ Phú Đ chồng của chị Lê Thị T viết, nội dung cam kết anh Đ thực hiện việc trả nợ cho chị L, việc anh Đ viết cam kết chuyển giao nghĩa vụ trả nợ thay cho chị T và được chị Phạm Thị Lệ L đồng ý, như vậy nghĩa vụ phải trả số tiền 400.000.000đồng cho chị L thuộc về anh Vũ Phú Đ phải có trách nhiệm trả nợ, tuy nhiên giữa chị T với anh Đ có mối quan hệ là vợ

chồng và việc chị T vay mượn tiền của chị L là để kinh doanh phục vụ kinh tế cho gia đình, như vậy chị L có đơn khởi kiện buộc vợ chồng anh Đ, chị T phải có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc 400.000.000đồng và lãi suất chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 25.795.000đ *(Hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng)*là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền gốc và lãi suất chậm trả là: 425.795.000đ *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng)*. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật *"Thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung khởi kiện:

Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T thừa nhận có vay và còn nợ chị Phạm Thị Lệ L số tiền gốc 400.000.000đồng, theo giấy cam kết trả nợ do anh Vũ Phú Đ chồng chị T viết. Số tiền 400.000.000đồng này nằm trong số tiền 1.430.000.000đồng mà chị T đã mượn nhiều lần của chị L được cộng lại; chị T cho rằng số tiền này là khoản nợ của chị T vay riêng của chị L để kinh doanh bất động sản, anh Đ không liên quan và anh Đ cũng không thừa nhận số tiền 400.000.000đồng do chị L khởi kiện anh Đ phải liên đới cùng chị T để nợ cho chị L.

Tuy nhiên tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Gia Lai **(bút lục từ số 42 đến số 58)**; chứng cứ do nguyên đơn chị L cung cấp là một giấy cam kết **(bút lục số 38, bản gốc)** nội dung giấy cam kết thể hiện anh Đ sẽ thực hiện việc bán nhà để trả nợ số tiền 400.000.000đồng cho chị L như theo nội dung hai bên đã thỏa thuận tại **(bút lục số 47)** về việc anh Đ, chị T phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.430.000đồng cho chị L theo từng giai đoạn. Việc anh Đ viết cam kết thay chị T trả nợ cho chị L và được chị Phạm Thị Lệ L đồng ý, như vậy chuyển giao nghĩa vụ trả số tiền 400.000.000đồng cho chị L thuộc về anh Vũ Phú Đ là người phải có trách nhiệm trả nợ, tuy nhiên giữa chị T với anh Đ có mối quan hệ là vợ chồng, chị T vay tiền để kinh doanh bất động sản nhằm phục vụ kinh tế gia đình; vì vậy việc chị L có đơn khởi kiện buộc vợ chồng anh Đ, chị T phải có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc 400.000.000đồng và lãi suất chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 25.795.000đ *(Hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng)* như Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết vay mượn tiền và cam kết trả nợ giữa các bên là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, như cam kết là vi phạm; xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực pháp luật và có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Vũ Phú Đ và chị Lê Thị T phải trả lại số tiền gốc và lãi suất chậm trả là: 425.795.000đ *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng)* cho nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ L.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu: 21.031.800đồng *(Hai mươi mốt triệu, không trăm ba mươi mốt ngàn, tám trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).*

- Áp dụng các Điều 116, 117, 278, 280 của Bộ luật dân sự 2015;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ L.

[2]. Buộc bị đơn anh Vũ Phú Đ và chị Lê Thị T phải trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ L số tiền: 425.795.000đ *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng),* (trong đó: 400.000.000đồng tiền gốc, 25.795.000đồng tiền lãi suất).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn chị Lê Thị T và anh Vũ Phú Đ phải nộp 21.031.800đ *(Bằng chữ: Hai mươi mốt triệu, không trăm ba mươi mốt ngàn, tám trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công.

Trả lại cho nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ L số tiền 10.132.800 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu, một trăm ba mươi hai ngàn, tám trăm đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0000225 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

[5]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngà